

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2025/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược và hồ sơ đăng ký thực hiện dự án vào thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 769/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 12 năm 2024 và ý kiến biểu quyết của các Ủy viên UBND thành phố tại cuộc họp ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại Thông báo số 49/TB-VP ngày 17/01/2025 của Văn phòng UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội và hồ sơ đăng ký thực hiện dự án như sau:

1. Mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược: chi tiết theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Mẫu Thông báo mời quan tâm, Hồ sơ mời quan tâm (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện) dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố Đà Nẵng): chi tiết theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: chi tiết theo Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng ban Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ul*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TVTU, TT HĐND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- CT và các PCT UBND TP;
- UBMTTQ TPĐN
- Công báo thành phố;
- TT THVN tại Đà Nẵng;
- Đài PTTH ĐN, Báo Đà Nẵng;
- Cổng Thông tin điện tử TPĐN;
- VP UBND thành phố;
- Lưu: VT, SKHĐT.

30/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Trung Chinh

Phụ lục I
CÔNG BỐ THÔNG TIN DỰ ÁN THU HÚT
NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC

(Kèm theo Quyết định số 02 /2025/QĐ-UBND ngày 06 /02/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

1. Thông tin dự án

- Mã dự án:.....(Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự xác nhận).
- Tên dự án:.....
- Phiên bản thay đổi: (Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự xác nhận).
- Trạng thái đăng tải: (Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự xác nhận).

2. Thông tin cơ bản

- Loại dự án:
- Lĩnh vực dự án:
- Trong nước/Quốc tế:
- Mời quan tâm: (Có/không):.....
- Mục tiêu dự án:.....
- Quy mô đầu tư:.....
- Địa điểm thực hiện dự án:.....
- Cơ quan đăng ký đầu tư:.....
- Hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án:.....
- Mục đích sử dụng đất:.....
- Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt:.....
- Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:.....
- Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần:.....
- Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn:.....
- Các thông tin khác dự án:.....

Lưu ý: Trường hợp là Nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát thành phố Đà Nẵng.

- Tổng vốn đầu tư:.....

(Số tiền bằng chữ:.....)

- Thông tin quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố Đà Nẵng:

+ Số văn bản:.....

+ Ngày phê duyệt:.....

+ Cơ quan phê duyệt:.....

+ Các văn bản có liên quan:.....

Đại diện của CQĐKĐT

Phụ lục II

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM, HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM (BAO GỒM YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ) DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ƯU TIÊN THU HÚT NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 02 /2025/QĐ-UBND ngày 06 /02/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Tên dự án:

[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố Đà Nẵng]

Phát hành ngày:

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời quan tâm cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định số:

[ghi số và ngày ban hành theo Quyết định phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố Đà Nẵng]

Tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm

(nếu có)

[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Đại diện của CQĐKĐT

[ghi tên, ký tên, đóng dấu]

Mẫu Thông báo mời quan tâm

Đà Nẵng, ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm

_____ [*ghi tên CQĐKĐT có thẩm quyền của Thành phố*] mời các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án _____ [*ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố Đà Nẵng*] với các thông tin như sau:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: _____
2. Tổng vốn đầu tư của dự án: _____
- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____
- Chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có):
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): _____
3. Địa điểm thực hiện dự án: _____
4. Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất (nếu có):
5. Diện tích khu đất thực hiện dự án (nếu có): _____
6. Các chỉ tiêu quy hoạch: _____
7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____
8. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: _____
[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời quan tâm đến ngày có thời điểm đóng thầu.]
9. Thông tin liên hệ:
 - _____ [*ghi tên CQĐKĐT có thẩm quyền của Thành phố*]
 - Địa chỉ: _____
 - Số điện thoại: _____
 - Số fax: _____
10. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Đại diện của CQĐKĐT

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời quan tâm cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm]

**Tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm
(nếu có)**

[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Bên mời quan tâm

[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	5
TỪ NGỮ VIẾT TẮT.....	6
Chương 1. Chỉ dẫn nhà đầu tư.....	7
Chương 2. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án	19
Chương 3. Biểu mẫu dự quan tâm.....	33

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, mở thầu, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Chương II. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNĐT	Chi dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSĐKTHDA	Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
HSMQT	Hồ sơ mời quan tâm
CQĐKĐT	Cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của Thành phố
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023
Nghị quyết số 136/2024/QH15	Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng
Nghị định số 115/2024/NĐ-CP	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

CHƯƠNG I

CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

1.1. _____ [ghi tên CQĐKĐT] mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án _____ [ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố Đà Nẵng].

1.2. Thông tin về dự án:

Căn cứ nội dung theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố Đà Nẵng, _____ [ghi tên CQĐKĐT] tóm tắt thông tin về dự án, bao gồm:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: _____
2. Tổng vốn đầu tư của dự án: _____
 - Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____
 - Chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có) _____
 - Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): _____
3. Địa điểm thực hiện dự án: _____
4. Mục đích sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất (nếu có): _____
5. Diện tích khu đất thực hiện dự án (nếu có): _____
6. Các chỉ tiêu quy hoạch: _____
7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____
8. Hiện trạng khu đất: _____
9. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: _____
 [ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu.]

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

3.1. Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp

hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

3.2. Hạch toán tài chính độc lập;

3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

3.4. Có tên trên Hệ thống trước khi phê duyệt kết quả mời quan tâm;

3.5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 5 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn như sau:

- Tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]⁽¹⁾;

- Tư vấn lập hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]⁽¹⁾;

- Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đối với trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi tổ chức mời quan tâm (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]⁽¹⁾;

- Tư vấn lập HSMQT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

- Tư vấn đánh giá HSDKTHDA (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn].

3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

3.7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.8. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.9. Không trong thời gian bị cấm hoạt động kinh doanh bất động sản, bị

⁽¹⁾ Nội dung này không áp dụng đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất. Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, CQĐKĐT bỏ nội dung này khi lập HSMQT.

tạm ngừng, bị đình chỉ hoạt động theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản (áp dụng đối với dự án bất động sản).

Mục 4. Nội dung HSMQT

4.1. HSMQT gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMQT (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó gồm các nội dung sau đây:

a) Phần 1. Thủ tục mời quan tâm

- Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư
- Chương II. Đánh giá HSDKTHDA
- Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

b) Phần 2. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

4.2. Thông báo mời quan tâm do CQĐKĐT phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMQT.

4.3. CQĐKĐT không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có), các tài liệu sửa đổi HSMQT không do CQĐKĐT cung cấp.

4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu dự quan tâm, yêu cầu thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMQT để chuẩn bị HSDKTHDA.

Mục 5. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm yêu cầu vốn chủ sở hữu và kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự của nhà đầu tư. Nội dung chi tiết theo quy định tại Chương II. Đánh giá HSDKTHDA.

Riêng đối với Nhà đầu tư chiến lược, sau khi đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được nêu tại Mục 1 và Mục 2 Chương II, _____ [ghi tên CQĐKĐT] đánh giá việc đáp ứng các điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược tại Mục 3 Chương II.

Mục 6. Làm rõ HSMQT

6.1. Trường hợp cần làm rõ HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến CQĐKĐT trên Hệ thống tối thiểu ____ ngày [ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 05 ngày làm việc] trước ngày hết hạn nộp HSDKTHDA.

6.2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, ___ [ghi tên CQĐKĐT] tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống tối thiểu ___ ngày [ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 02 ngày làm việc] trước ngày hết hạn nộp HSDKTHDA.

6.3. Nội dung làm rõ HSMQT không được trái với nội dung của HSMQT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ HSMQT dẫn đến phải sửa đổi HSMQT thì việc sửa đổi HSMQT thực hiện theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

6.4. Văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm là một phần của HSMQT.

Mục 7. Sửa đổi HSMQT; gia hạn thời gian nộp HSDKTHDA

7.1. Trường hợp sửa đổi HSMQT sau khi phát hành, CQĐKĐT phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống, gồm: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMQT, HSMQT đã được sửa đổi. Quyết định sửa đổi HSMQT là một phần của HSMQT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMQT.

7.2. Thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMQT tối thiểu ___ ngày trước ngày hết hạn nộp HSDKTHDA [ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 10 ngày]. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản quyết định HSMQT không đáp ứng theo quy định tại Mục này thì CQĐKĐT phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

7.3. Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp HSDKTHDA, CQĐKĐT đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

Mục 8. Chi phí dự quan tâm

Nhà đầu tư chịu các chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDKTHDA. Trong mọi trường hợp, CQĐKĐT không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc dự quan tâm của nhà đầu tư.

Mục 9. Ngôn ngữ của HSDKTHDA

[Căn cứ hình thức lựa chọn nhà đầu tư, ghi rõ ngôn ngữ của HSDKTHDA:

- Đối với mời quan tâm quốc tế:

HSDKTHDA, các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với CQĐKĐT được viết bằng: ___ [Trường hợp HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMQT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDKTHDA".

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang: ___ [Trường hợp HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMQT được viết bằng cả tiếng

Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDKTHDA”]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, CQĐKĐT có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

- Đối với mời quan tâm trong nước:

HSDKTHDA, thư từ và tài liệu liên quan đến HSDKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với CQĐKĐT được viết bằng tiếng Việt.

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, CQĐKĐT có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

Mục 10. HSDKTHDA và thời hạn nộp

10.1. HSDKTHDA do nhà đầu tư chuẩn bị phải gồm các thành phần sau đây:

a) Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

b) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký văn bản đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

c) Biểu mẫu dự quan tâm;

d) Nội dung khác _____ [*ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDKTHDA ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b và c Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế dự quan tâm của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].*

10.2. Nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trên Hệ thống trước ___ giờ, ngày ___ tháng ___ năm ___ [*ghi thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA, bảo đảm tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu*].

Mục 11. Đồng tiền dùng để đánh giá

Đồng tiền dùng để đánh giá: ___ [*ghi cụ thể 01 loại đồng tiền*].

[11.1. Đối với mời quan tâm trong nước thì ghi là: “Đồng Việt Nam”.

11.2. Đối với mời quan tâm quốc tế ghi là: “Khi đánh giá HSDKTHDA phải quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về Đồng Việt Nam; trường hợp trong số các đồng tiền không có Đồng Việt Nam thì phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau:

a) Đồng tiền quy đổi là: ___ [*ghi đồng tiền quy đổi dùng để đánh giá*].

b) Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: ___ [*ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi*].

c) Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: ___ [*ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)*].”

Mục 12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư

12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư gồm:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;
- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm.

12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm:

a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy định tại Mục 11 Chương này thì khi lập HSDKTHDA, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở đánh giá HSDKTHDA; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền quy đổi theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDKTHDA.

b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDKTHDA các tài liệu sau đây: _____
[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDKTHDA ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự quan tâm của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].

Mục 13. Văn bản đăng ký thực hiện dự án

13.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01a hoặc Mẫu số 01b tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự

quan tâm) phải được gửi cho CQĐKĐT cùng với văn bản đăng ký thực hiện dự án.

13.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01a hoặc Mẫu số 01b tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 13.1 CDNĐT.

Mục 14. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận HSDKTHDA

14.1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp HSDKTHDA trên Hệ thống theo yêu cầu của HSMQT. HSDKTHDA của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

14.2. Nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trên Hệ thống theo thời hạn quy định tại thông báo mời quan tâm.

Mục 15. Sửa đổi, thay thế, rút HSDKTHDA

15.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDKTHDA trên Hệ thống trước thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA. Trường hợp cần sửa đổi HSDKTHDA đã nộp, nhà đầu tư phải tiến hành rút toàn bộ HSDKTHDA đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDKTHDA, nhà đầu tư tiến hành nộp lại HSDKTHDA mới. Trường hợp nhà đầu tư đã nộp HSDKTHDA trước khi HSMQT được sửa đổi (nếu có) thì nhà đầu tư phải nộp lại HSDKTHDA mới cho phù hợp với HSMQT đã được sửa đổi.

15.2. Sau thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA, nhà đầu tư không được rút HSDKTHDA đã nộp.

Mục 16. Thời điểm đóng thầu

16.1. CQĐKĐT tiếp nhận HSDKTHDA của tất cả nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trước thời điểm đóng thầu là: ___ giờ ___ phút, ngày ___ tháng ___ năm ___ [ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể bảo đảm tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDKTHDA].

16.2. CQĐKĐT có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMQT theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

Mục 17. Mở thầu

17.1. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA.

17.2. Ngoại trừ trường hợp HSDKTHDA nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 15.1 CDNĐT, CQĐKĐT phải mở công khai tất cả HSDKTHDA đã nhận được trước thời điểm đóng thầu.

17.3. CQĐKĐT tổ chức đánh giá HSDKTHDA của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ.

Mục 18. Làm rõ HSDKTHDA

18.1. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện HSDKTHDA thiếu thông tin, tài liệu về năng lực và kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ thì nhà đầu tư được phép gửi thông tin tài liệu đến CQĐKĐT để tự làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. CQĐKĐT phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư trên Hệ thống.

18.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì CQĐKĐT phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDKTHDA theo yêu cầu của CQĐKĐT. Tất cả yêu cầu làm rõ của CQĐKĐT và văn bản làm rõ của nhà đầu tư phải được thực hiện trên Hệ thống.

18.3. Việc làm rõ HSDKTHDA phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi tư cách và tên nhà đầu tư tham dự quan tâm.

18.4. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDKTHDA). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà CQĐKĐT không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của CQĐKĐT thì CQĐKĐT sẽ đánh giá HSDKTHDA của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSDKTHDA nộp trước thời điểm đóng thầu.

Mục 19. Đánh giá HSDKTHDA và công khai kết quả mời quan tâm

19.1. Việc đánh giá HSDKTHDA thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về sơ bộ năng lực, kinh nghiệm quy định tại Mục 2 Chương II và Kiểm tra việc đáp ứng điều kiện Nhà đầu tư chiến lược quy định tại Mục 3 Chương II.

19.2. Căn cứ kết quả đánh giá HSDKTHDA, CQĐKĐT trình người có thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà đầu tư quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp như sau:

a) Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm (quy định tại Mục 2 Chương II) hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm (quy định tại Mục 2 Chương II) thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm (quy định tại Mục 2 Chương II) trong đó chỉ có 01 nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược (quy định tại Mục 3 Chương II) thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó có từ 02 nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược (quy định tại Mục 3 Chương II) thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hoặc chọn áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số những nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

d) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhưng không có nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược (quy định tại Mục 3 Chương II) thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hoặc chọn áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà đầu tư;

đ) Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của HSMQT, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm.

19.3. Đối với dự án quy định tại điểm c và điểm d Mục 19.2 CDNĐT, người có thẩm quyền phê duyệt bằng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh. Hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

a) Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp HSDKTHDA hoặc đáp ứng yêu cầu của HSMQT theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu;

b) Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có tối thiểu một nhà đầu tư nước ngoài trở lên đáp ứng yêu cầu của HSMQT.

19.4. Đối với dự án quy định tại điểm đ Mục 19.2 CDNĐT, người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

a) Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định;

b) Rà soát, chỉnh sửa HSMQT nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

19.5. Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền quy định tại Mục 19.2 CDNĐT, CQĐKĐT có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo

đổi tiên độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống.

Mục 20. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

20.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

20.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 20.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc CQĐKĐT:

a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2 và 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm khoản 5 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d và e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu áp dụng với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp: thành viên liên danh vi phạm quy định tại khoản 4, các điểm b, c, d, đ khoản 5, các điểm a, b, c, d, e khoản 6, khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì chỉ cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với thành viên đó mà không cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các thành viên còn lại.

20.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thuộc cùng phạm vi quản lý của người có thẩm quyền và các hành vi này chưa bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu với thời gian cấm được xác định bằng tổng thời gian cấm của các hành vi vi phạm nhưng tối đa không quá 05 năm.

20.4. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu tại Mục 20.2 CDNĐT là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.

20.5. Người có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị của CQĐKĐT kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

- b) Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước;
- c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;
- d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

20.6. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại Mục 20.5 CDNĐT hoặc đề nghị Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương. Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền.

20.7. Căn cứ quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc trong thời hạn 05 năm đối với tổ chức, cá nhân đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu tại 03 quyết định khác nhau của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

20.8. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:

- a) Tên người có thẩm quyền;
- b) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm;
- c) Thời gian cấm bao gồm: thời gian cấm đối với hành vi vi phạm (nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm); thời gian cấm đối với hành vi vi phạm tiếp theo (nếu có); tổng thời gian cấm;
- d) Phạm vi cấm;
- đ) Hiệu lực thi hành: ngày có hiệu lực và ngày kết thúc hiệu lực.

20.9. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu không đồng ý với quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì có quyền khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

20.10. Thành viên tổ chuyên gia có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu bị xử lý theo quy định tại Mục 20.2 CDNĐT và bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mục 21. Trường hợp là Nhà đầu tư chiến lược:

21.1 Được hưởng ưu đãi sau đây:

- a) Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

21.2. Có nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

b) Dự án đầu tư quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/NĐ-CP phải giải ngân vốn đầu tư trong thời hạn 05 năm, dự án đầu tư quy định tại điểm d khoản 1 Điều này phải giải ngân vốn đầu tư trong thời hạn 07 năm kể từ ngày được cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trong thời gian này, nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng dự án;

c) Dự án đầu tư quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/NĐ-CP phải giải ngân vốn đầu tư trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, mặt nước trên thực địa. Trong thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp quyết định chấp thuận nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng dự án;

d) Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

21.3. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết số 136/2024/NĐ-CP. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDKTHDA

1.1. Kiểm tra HSDKTHDA

Kiểm tra các thành phần của HSDKTHDA, gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và các thành phần khác thuộc HSDKTHDA theo quy định tại Mục 10 CDNĐT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDKTHDA

HSDKTHDA của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có văn bản đăng ký thực hiện dự án được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Văn bản đăng ký thực hiện dự án được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có); không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký văn bản đăng ký thực hiện dự án theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi CQĐKĐT phát hành HSMQT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký văn bản đăng ký thực hiện dự án (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, CQĐKĐT hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu văn bản đăng ký thực hiện dự án dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự quan tâm và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

b) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSDKTHDA với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

c) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm;

d) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDKTHDA được coi là “Hợp lệ” khi tất cả các nội dung được đánh giá là “Đáp ứng”. HSDKTHDA của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó HSDKTHDA của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDKTHDA hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

2.1. Sử dụng phương pháp đạt, không đạt để đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu HSMQT khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

2.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

b) Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

2.3. Nhà đầu tư được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự. Đối tác là tổ chức ký kết hợp đồng với nhà đầu tư để tham gia thực hiện dự án đầu tư kinh doanh và được nhà đầu tư đề xuất trong HSDKTHDA trên cơ sở yêu cầu về kinh nghiệm quy định tại HSMQT.

Nhà đầu tư trong nước được sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài khi đăng ký thực hiện dự án mời quan tâm trong nước. *[HSMQT ghi nội dung này nếu dự án có yêu cầu thúc đẩy sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP]*

CQĐKĐT căn cứ đề xuất về việc sử dụng đối tác tại HSDKTHDA, phạm vi, nội dung, giá trị công việc, yêu cầu thực hiện công việc, yêu cầu khác (nếu có) được thỏa thuận tại hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư và đối tác để đánh giá khả năng đáp ứng của đối tác đối với phần công việc đối tác tham gia cùng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với nhà đầu tư.

2.4. Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu	<p>Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp⁽¹⁾ để được đánh giá là đạt: _____ <i>[ghi giá trị bằng số và bằng chữ, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên].</i></p>
2.	Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự ⁽²⁾	
2.1	Kinh nghiệm đầu tư, xây dựng công trình, dự án tương tự	<p>Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án⁽³⁾ hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án hoặc là nhà thầu: _____ dự án <i>[ghi số lượng theo yêu cầu]</i> để được đánh giá là đạt. Cách xác định dự án như sau⁽⁴⁾:</p> <p>a) Loại 1: Dự án thuộc ngành, lĩnh vực _____ <i>[ghi ngành, lĩnh vực, theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tương tự với ngành, lĩnh vực dự án đang xét]</i> mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁵⁾ trong vòng ____ năm trước năm có thời điểm đóng thầu <i>[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]</i> và có tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư tối thiểu là⁽⁶⁾ _____ <i>[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 20%-70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét];</i></p> <p>b) Loại 2 (kinh nghiệm với vai trò là nhà đầu tư): Dự án đầu tư xây dựng công trình _____ <i>[ghi loại công trình tương tự với dự án đang</i></p>

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p><i>xét theo công năng sử dụng căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng]</i> mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁵⁾ trong vòng ___ năm trước năm có thời điểm đóng thầu [<i>ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu</i>] và có tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư tối thiểu là⁽⁶⁾ ___ [<i>ghi giá trị, thông thường trong khoảng 20%-70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét</i>];</p> <p>c) Loại 2 (kinh nghiệm với vai trò là nhà thầu): Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực ___ [<i>ghi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tương tự với ngành, lĩnh vực của dự án đang xét</i>] mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁵⁾ trong vòng ___ năm trước năm có thời điểm đóng thầu [<i>ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu</i>] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có công trình, hạng mục công trình tương tự với công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét là ___ [<i>ghi cụ thể công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét; trường hợp dự án đang xét gồm nhiều công trình chính, hạng mục công trình chính thì ghi công trình chính, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đang xét</i>]; - Có giá trị tối thiểu là ___ [<i>ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị của công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét. Trường hợp không xác định được giá trị của công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét, ghi giá trị thông thường trong khoảng 20% - 30% tổng chi phí thực hiện dự án của dự án đang</i>

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p><i>xét</i>⁽⁷⁾.</p> <p>d) Loại 3: Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực _____ [<i>ghi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tương tự với ngành, lĩnh vực của dự án đang xét</i>] mà đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁵⁾ trong vòng _____ năm trước năm có thời điểm đóng thầu [<i>ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu</i>] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có công trình, hạng mục công trình tương tự với công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét là _____ [<i>ghi cụ thể công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét; trường hợp dự án đang xét gồm nhiều công trình chính, hạng mục công trình chính thì ghi công trình chính, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đang xét</i>]; - Có giá trị tối thiểu là _____ [<i>ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị của công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét. Trường hợp không xác định được giá trị của công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét, ghi giá trị thông thường trong khoảng 20% - 30% tổng chi phí thực hiện dự án của dự án đang xét</i>⁽⁷⁾.
2.2	<p>Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự (áp dụng đối với dự án có yêu cầu vận hành, kinh doanh để cung cấp sản phẩm, dịch vụ, phù hợp với mục đích, tính chất, yêu cầu quản lý của từng dự án)</p>	<p>Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự được xác định căn cứ tiêu chuẩn sau: _____</p> <p>[<i>ghi 2.2.1 hoặc 2.2.2:</i></p> <p>2.2.1. Số lượng dự án (trong đó gồm một hoặc các nội dung công việc: vận hành, kinh doanh công trình, dự án) mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án⁽³⁾ hoặc là tổ chức</p>

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p>kinh tế do nhà đầu tư thành lập hoặc là nhà thầu, đã tổ chức vận hành⁽⁸⁾ trong vòng _____ năm trước năm có thời điểm đóng thầu [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]: _____ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu] để được đánh giá là đạt. Cách xác định dự án như sau⁽⁴⁾:</p> <p>a) Loại 1: Dự án thuộc ngành, lĩnh vực _____ [ghi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tương tự với ngành, lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập và có công trình (trường hợp dự án có một công trình) hoặc có công trình chính (trường hợp dự án có nhiều công trình) đáp ứng một trong hai điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy mô công suất tối thiểu là _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% quy mô công suất của dự án đang xét]; - Có cùng cấp công trình tương tự hoặc cao hơn với cấp công trình của dự án đang xét theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình của dự án đang xét. <p>b) Loại 2: Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực _____ [ghi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tương tự với ngành, lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu vận hành và có công trình (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có một công trình) hoặc có công trình chính (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có nhiều công trình) đáp ứng một trong hai điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy mô công suất tối thiểu là _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% quy mô công suất của dự án đang

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p><i>xét</i>];</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cùng cấp công trình tương tự hoặc cao hơn với cấp công trình của dự án đang xét theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình của dự án đang xét. <p>c) Loại 3: Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực _____ [<i>ghi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tương tự với ngành, lĩnh vực của dự án đang xét</i>] mà đối tác tham gia, là nhà thầu vận hành và có công trình (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có một công trình) hoặc có công trình chính (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có nhiều công trình) đáp ứng một trong hai điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy mô công suất tối thiểu là _____ [<i>ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% quy mô công suất của dự án đang xét</i>]; - Có cùng cấp công trình tương tự hoặc cao hơn với cấp công trình của dự án đang xét theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình của dự án đang xét. <p>2.2.2. Số lượng hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực _____ [<i>ghi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tương tự với ngành, lĩnh vực của dự án đang xét</i>] mà nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập hoặc là nhà thầu cung cấp trực tiếp _____ [<i>ghi số lượng, chủng loại, đơn vị tính cụ thể</i>] trong vòng _____ năm trước năm có thời điểm đóng thầu [<i>ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu</i>] để được đánh giá là đạt. Cách xác định số lượng, chủng loại hàng hóa, dịch vụ như sau⁽⁴⁾:</p>

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p>a) Loại 1: Hàng hóa, dịch vụ mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư cung cấp trực tiếp hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập cung cấp trực tiếp.</p> <p>b) Loại 2: Hàng hóa, dịch vụ mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu cung cấp trực tiếp.</p> <p>c) Loại 3: Hàng hóa, dịch vụ mà đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà thầu cung cấp trực tiếp.]</p>

Ghi chú:

(1) Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có) và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản, được xác định căn cứ vào:

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán;

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Trường hợp Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và đầu tư tài chính dài hạn (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang được đầu tư và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm.

(2) Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự:

(i) Các dự án, gói thầu, hợp đồng nhà đầu tư, đối tác thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết (đối với dự án, gói thầu có yêu cầu ký kết hợp đồng) hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình dự án hoặc văn bản tương đương của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng với từng thời kỳ mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Nhà đầu tư, đối tác chỉ được trích dẫn một lần duy nhất kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự (đối với loại 1, loại 2 tại Mục 2.1.b), gói thầu, hợp đồng tương tự (đối với loại 2 tại Mục 2.1.c, loại 3).

Trường hợp dự án, gói thầu, hợp đồng được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp hàng hóa, dịch vụ thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

(iii) Đối với các dự án chưa có dự án tương tự về tổng vốn đầu tư, căn cứ dữ liệu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về các dự án đã lựa chọn được nhà đầu tư, CQĐKĐT báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quy định tại hồ sơ mời quan tâm yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự bằng hoặc không thấp hơn 90% mức yêu cầu trong hồ sơ mời quan tâm của dự án cùng ngành, lĩnh vực có tổng vốn đầu tư gần nhất với dự án đang xét.

(iv) Đối với các dự án có yêu cầu ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhà đầu tư được sử dụng dự án, công trình do mình góp vốn chủ sở hữu và trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm công trình, dự án tương tự. Dự án tương tự phải có tài liệu chứng minh công nghệ, kỹ thuật được công nhận theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan.

(v) Đối với dự án tại điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này, trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư và biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Người có thẩm quyền được quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng vốn đầu tư của dự án đối với trường hợp tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư hoặc mức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư phù hợp theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp áp

dụng thủ tục chấp thuận nhà đầu tư.

(vi) Đối với dự án loại 2 và loại 3, trường hợp nhà đầu tư, đối tác tham gia với vai trò là nhà thầu liên danh thì chỉ được sử dụng giá trị phần công việc trực tiếp thực hiện trong liên danh để chứng minh gói thầu, hợp đồng tương tự.

(3) Nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án là nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu vào dự án (trong trường hợp nhà đầu tư không thành lập tổ chức kinh tế để triển khai thực hiện dự án), hoặc là cổ đông sáng lập (trong trường hợp nhà đầu tư thành lập tổ chức kinh tế để triển khai thực hiện dự án), hoặc là nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông sáng lập trước khi dự án khai thác vận hành.

(4) Cách thức quy đổi các dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ: _____ [quy định cụ thể cách thức quy đổi các loại dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ; trường hợp tổng số lượng dự án được quy đổi là số thập phân thì được làm tròn số trong trường hợp chữ số thập phân lớn hơn hoặc bằng 5.

Ví dụ: 01 dự án/gói thầu/hợp đồng hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 2 bằng tối đa 0,7 dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 1; quy định 01 dự án/gói thầu/hợp đồng hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 3 bằng tối đa 0,5 dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 1.

Nhà đầu tư, đối tác đã thực hiện 01 dự án loại 1, 02 gói thầu loại 2 thì tổng số lượng dự án được quy đổi là: $01 + 0,7 \times 2 = 2,4$. Số lượng dự án sau khi được làm tròn số là 2.

Nhà đầu tư, đối tác đã thực hiện 01 gói thầu loại 2, 02 hợp đồng loại 3 thì tổng số lượng dự án được quy đổi là: $0,7 \times 1 + 0,5 \times 2 = 1,7$. Số lượng dự án sau khi được làm tròn số là 2.]

(5) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

- Dự án hoàn thành là dự án có toàn bộ hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Dự án hoàn thành phần lớn là dự án thuộc một trong hai trường hợp sau:

+ Có tối thiểu 50% giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp dự án chưa được nghiệm thu tối thiểu 50% giá trị khối lượng công việc thì phải có giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu tối thiểu bằng tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư của dự án đang xét;

+ Có tối thiểu 50% số lượng hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng từng phần theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Gói thầu, hợp đồng hoàn thành là gói thầu, hợp đồng mà trong đó công trình, hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Gói thầu, hợp đồng hoàn thành phần lớn là gói thầu, hợp đồng đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 50% giá trị khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình.

(6) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(7) Trường hợp trong cùng một dự án mà nhà đầu tư, đối tác đã thực hiện các công trình, hạng mục công trình tương tự với công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét, nhà đầu tư, đối tác được cộng tổng giá trị của các công trình, hạng mục công trình này để chứng minh kinh nghiệm tương tự của mình.

(8) Dự án/gói thầu/hợp đồng đã tổ chức vận hành là dự án/gói thầu/hợp đồng đã kết thúc giai đoạn vận hành hoặc đang trong giai đoạn vận hành tối thiểu 03 tháng; trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có nhiều công trình thì công trình chính đang trong giai đoạn vận hành tối thiểu 03 tháng, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định khác.

Mục 3. Đánh giá điều kiện đáp ứng là nhà đầu tư chiến lược

3.1. Điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 12 của Nghị quyết 136/2024/QH15 và được quy định cụ thể tại Mục 3.4 và 3.5 của Chương này.

Tùy vào dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Đà Nẵng được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 136/2024/QH15, CQĐKĐT sẽ lựa chọn các yêu cầu tương ứng với từng dự án đầu tư về điều kiện nhà đầu tư là nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng.

3.2. Sử dụng phương pháp đạt, không đạt để đánh giá điều kiện đáp ứng là nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

3.3. Nhà đầu tư không được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh điều kiện về kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự nhằm xác định điều kiện đáp ứng là nhà đầu tư chiến lược.

3.4. Điều kiện về vốn điều lệ, điều kiện về kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự theo bảng sau:

Bảng số 02

TT	Dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu	Điều kiện về vốn điều lệ ⁽¹⁾	Điều kiện về kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự ⁽²⁾
1	<i>Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với đào tạo; đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI); công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên</i>	Nhà đầu tư chiến lược phải có vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng trở lên. Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, vốn điều lệ của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu [ghi giá trị trong khoảng 50%-100%] giá trị về yêu cầu vốn điều lệ. Vốn điều lệ của từng thành viên liên danh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh.	Nhà đầu tư chiến lược phải có kinh nghiệm đầu tư ít nhất 01 dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên. Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu [ghi giá trị trong khoảng 50%-100%] giá trị của tổng vốn đầu tư của dự án trong lĩnh vực tương tự nêu trên.
2	<i>Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghệ chip bán dẫn, công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp quốc phòng, danh mục và sản phẩm công nghệ cao được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có quy mô vốn đầu tư từ 4.000 tỷ đồng trở lên;</i>	Nhà đầu tư chiến lược phải có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên. Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, vốn điều lệ của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu [ghi giá trị trong khoảng 50%-100%] giá trị về yêu cầu vốn điều lệ. Vốn điều lệ của từng thành viên liên danh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh.	Nhà đầu tư chiến lược phải có kinh nghiệm đầu tư ít nhất 01 dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên. Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu [ghi giá trị trong khoảng 50%-100%] giá trị của tổng vốn đầu tư của dự án trong lĩnh vực tương tự nêu trên.
3	<i>Đầu tư xây dựng và</i>	Nhà đầu tư chiến lược phải	Nhà đầu tư chiến lược phải

TT	Dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu	Điều kiện về vốn điều lệ ⁽¹⁾	Điều kiện về kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự ⁽²⁾
	<p><i>kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do Đà Nẵng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Khu thương mại - dịch vụ có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên; Trung tâm logistics gắn với Cảng biển Liên Chiểu có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên; Khu sản xuất có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;</i></p>	<p>có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên.</p> <p>Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, vốn điều lệ của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu <i>[ghi giá trị trong khoảng 50%-100%]</i> giá trị về yêu cầu vốn điều lệ. Vốn điều lệ của từng thành viên liên danh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh.</p>	<p>có kinh nghiệm đầu tư ít nhất 01 dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.</p> <p>Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu <i>[ghi giá trị trong khoảng 50%-100%]</i> giá trị của tổng vốn đầu tư của dự án trong lĩnh vực tương tự nêu trên.</p>
4	<p><i>Đầu tư xây dựng và kinh doanh du lịch đường thủy nội địa có quy mô vốn đầu tư từ 8.000 tỷ đồng trở lên</i></p>	<p>Nhà đầu tư chiến lược phải có vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng trở lên</p> <p>Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, vốn điều lệ của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu <i>[ghi giá trị trong khoảng 50%-100%]</i> giá trị về yêu cầu vốn điều lệ. Vốn điều lệ của từng thành viên liên danh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh.</p>	<p>Nhà đầu tư chiến lược phải có kinh nghiệm đầu tư ít nhất 01 dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.</p> <p>Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu <i>[ghi giá trị trong khoảng 50%-100%]</i> giá trị của tổng vốn đầu tư của dự án trong lĩnh vực tương tự nêu trên.</p>
5	<p><i>Đầu tư xây dựng dự án tổng thể bến Cảng biển Liên Chiểu có quy mô</i></p>	<p>Nhà đầu tư chiến lược phải có vốn điều lệ từ 9.000 tỷ</p>	<p>Nhà đầu tư chiến lược phải có kinh nghiệm đầu tư ít nhất 01 dự án trong lĩnh vực</p>

TT	Dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu	Điều kiện về vốn điều lệ ⁽¹⁾	Điều kiện về kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự ⁽²⁾
	vốn đầu tư từ 45.000 tỷ đồng trở lên.	đồng trở lên Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, vốn điều lệ của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu [ghi giá trị trong khoảng 50%-100%] giá trị về yêu cầu vốn điều lệ. Vốn điều lệ của từng thành viên liên danh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh.	tương tự có tổng vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên. Trường hợp liên danh đăng ký là nhà đầu tư chiến lược, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng tối thiểu [ghi giá trị trong khoảng 50%-100%] giá trị của tổng vốn đầu tư của dự án trong lĩnh vực tương tự nêu trên.

Ghi chú:

(1) *Vốn điều lệ: Nhà đầu tư cung cấp thông tin và tài liệu chứng minh yêu cầu về vốn điều lệ để chứng minh việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của nhà đầu tư chiến lược quy định tại mục này.*

Vốn điều lệ của liên danh bằng tổng vốn điều lệ của các thành viên liên danh.

(2) *Kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự: Nhà đầu tư cung cấp thông tin và tài liệu chứng minh kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự theo Mẫu số 06 Chương III.*

Kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự của liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

Dự án: Là 01 dự án độc lập hoặc là 01 cụm gồm nhiều dự án trên một khu vực cụ thể, liên kế và liên quan với nhau.

3.5. Điều kiện nhà đầu tư chiến lược phải cam kết khi thực hiện dự án

Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản theo Mẫu 07 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm.

CHƯƠNG III

BIỂU MẪU DỰ QUAN TÂM

1. Mẫu số 01a : Văn bản đăng ký thực hiện dự án áp dụng cho nhà đầu tư.
2. Mẫu số 01b: Văn bản đăng ký thực hiện dự án áp dụng cho nhà đầu tư chiến lược.
3. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền.
4. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh.
5. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư và các đối tác cùng thực hiện.
6. Mẫu số 05: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
7. Mẫu số 06: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
8. Mẫu số 07: Văn bản cam kết của nhà đầu tư chiến lược.

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày __ tháng __ năm __

Kính gửi: __ [ghi tên CQĐKĐT]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời quan tâm của dự án __ [ghi tên dự án] do __ [ghi tên CQĐKĐT] (sau đây gọi tắt là CQĐKĐT) phát hành ngày __ [ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời quan tâm cho nhà đầu tư] và văn bản sửa đổi hồ sơ mời quan tâm số __ ngày __ [ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)], chúng tôi, __ [ghi tên nhà đầu tư] nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đối với dự án nêu trên. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho CQĐKĐT bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi CQĐKĐT có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là chính xác, trung thực.
6. Đối tác được chúng tôi đề xuất tại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự sẽ là __ [ghi vai trò của đối tác là nhà thầu xây lắp hoặc nhà thầu vận hành] sau khi trúng thầu hoặc được chấp thuận⁽³⁾.
7. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình dự quan tâm.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ⁽⁴⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của CQĐKĐT, nhà đầu tư.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư

tư bị coi là có hành vi gian lận, HSDKTHDA bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư không sử dụng đối tác để triển khai dự án.

(4) Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

(5) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong văn bản đăng ký thực hiện dự án và các tài liệu khác trong HSDKTHDA là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày __ tháng __ năm __

Kính gửi: __ [ghi tên CQĐKĐT]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời quan tâm của dự án __ [ghi tên dự án] do __ [ghi tên CQĐKĐT] phát hành ngày __ [ghi ngày công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược] và văn bản sửa đổi hồ sơ mời quan tâm số __ ngày __ [ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)], chúng tôi, __ [ghi tên nhà đầu tư] nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đối với dự án nêu trên với tư cách **Nhà đầu tư chiến lược**. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho __ [ghi tên CQĐKĐT] bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này là chính xác, trung thực.
6. Đối tác được chúng tôi đề xuất tại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự sẽ là __ [ghi vai trò của đối tác là nhà thầu xây lắp hoặc nhà thầu vận hành] sau khi trúng thầu hoặc được chấp thuận⁽³⁾.
7. Chúng tôi đồng ý và cam kết trong quá trình thực hiện dự án đầu tư sẽ đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, và các nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 khoản 7 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15. Trong trường hợp vi phạm, Chúng tôi đồng ý không được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 8 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15 và

chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư chiến lược⁽⁴⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của CQDKĐT, nhà đầu tư.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư không sử dụng đối tác để triển khai dự án.

(4) Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

(5) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong văn bản đăng ký thực hiện dự án và các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà đầu tư] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà đầu tư], bằng văn bản này ủy quyền cho: ____ [ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên CQĐKĐT] tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký văn bản đăng ký thực hiện dự án;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với CQĐKĐT trong quá trình dự quan tâm, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời quan tâm và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;
- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);
- Các công việc khác (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà đầu tư]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽¹⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (01) bản gốc./.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽²⁾]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ [*ghi tên dự án*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ___ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ___ [ghi tên một thành viên] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia <i>[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]</i>	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 <i>[Đứng đầu liên danh]</i>			<i>[tối thiểu 30%]</i>
2	Thành viên 2			<i>[tối thiểu 15%]</i>
3	Thành viên 3			<i>[tối thiểu 15%]</i>
.....				
Tổng			100%

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ___ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được CQĐKĐT chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;

- Kết thúc thủ tục mời quan tâm;

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ đăng ký thực hiện dự án 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ⁽²⁾

*[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh,
ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

1. Thông tin đối tác

TT	Tên đối tác ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽³⁾	Giá trị và khối lượng công việc tham gia ⁽⁴⁾	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác ⁽⁵⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]			
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây lắp]			
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]			
					

2. Thông tin về dự án/gói thầu/hợp đồng đối tác đang thực hiện

[Đối tác liệt kê dự án/gói thầu/hợp đồng đang thực hiện theo yêu cầu của HSMQT:

a) Dự án/gói thầu/hợp đồng số 01: ___ [ghi tên dự án]

Tên đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu/hợp đồng: _____
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án/gói thầu/hợp đồng: _____
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà thầu xây lắp <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu vận hành <input type="checkbox"/> Nhà thầu trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ
5	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu/hợp đồng) Địa chỉ: _____ Tên người liên lạc: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ Email: _____
6	Thông tin chi tiết Mô tả ngắn gọn về phạm vi, nội dung, giá trị công việc, yêu cầu thực hiện công việc, yêu cầu khác (nếu có) của dự án/gói thầu/hợp đồng đang thực hiện
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ - Yêu cầu thực hiện công việc: - Yêu cầu khác (nếu có):
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:

b) Dự án/gói thầu/hợp đồng số 02: ___ [ghi tên dự án/gói thầu/hợp đồng]

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; đối với nhà đầu tư nước ngoài, có tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự quan tâm chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "vai trò tham gia". Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Trường hợp sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm của mình, nhà đầu tư phải đề xuất giá trị và khối lượng công việc mà đối tác tham gia trong dự án. Sau đó, nếu trúng thầu thì giá trị và khối lượng công việc mà đối tác tham gia trong dự án phải được nêu trong hợp đồng.

(5) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác phải được ký với đại diện hợp pháp của các bên. Đại diện hợp pháp của các bên là người đại diện theo pháp luật của các bên hoặc người được người đại diện hợp pháp của các bên ủy quyền.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có))	
3	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì nộp báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán.

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, phải đính kèm tài liệu chứng minh vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đầu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, CQĐKĐT, tổ chuyên gia bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, CQĐKĐT có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế; ...).

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

*[Nhà đầu tư/đối tác liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án/gói thầu/hợp đồng tương tự theo yêu cầu của HSMQT]*1. Dự án/gói thầu/hợp đồng số 01: ___ *[ghi tên dự án/gói thầu/hợp đồng]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu/hợp đồng: _____
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án/gói thầu/hợp đồng: Loại công trình của dự án/gói thầu/hợp đồng:
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu xây lắp <input type="checkbox"/> Nhà thầu vận hành <input type="checkbox"/> Nhà thầu trực tiếp cung cấp hàng hóa/dịch vụ <input type="checkbox"/> Tổ chức kinh tế do nhà thầu thành lập để thực hiện dự án
5	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu/hợp đồng) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án
	Tổng mức đầu tư (tổng vốn đầu tư):
	Quy mô công suất:
	Cấp công trình:
	Số lượng, chủng loại hàng hóa, dịch vụ được cung cấp:

	<p>Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾:</p> <p><input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình ___ [ghi cụ thể số lượng, giá trị hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành].</p> <p><input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng.</p> <p><input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu giá trị khối lượng công việc ___ [ghi cụ thể giá trị, tỷ lệ giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng].</p> <p><input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành: ___ [ghi cụ thể thời gian vận hành kể từ ngày dự án, công trình chuyển sang giai đoạn vận hành].</p> <p><input type="checkbox"/> Đã kết thúc.</p>
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án/gói thầu/hợp đồng với vai trò nhà thầu:
	Tổng mức đầu tư (tổng vốn đầu tư):
	Quy mô công suất:
	Cấp công trình:
	Số lượng, chủng loại hàng hóa, dịch vụ được cung cấp:
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện: [ghi cụ thể số lượng, tên (các) hạng mục công trình]
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ [ghi cụ thể giá trị từng hạng mục công trình]
	<p>Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾:</p> <p><input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu toàn bộ công trình, hạng mục công trình đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng.</p> <p><input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình, hạng mục công trình: ___ [ghi cụ thể số lượng, giá trị hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, nêu rõ hạng mục công trình nào đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng từng phần theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng].</p> <p><input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu giá trị khối lượng công việc ___ [ghi cụ thể giá trị, tỷ lệ giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng].</p> <p><input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành: ___ [ghi cụ thể thời gian vận hành kể từ ngày dự án, công trình chuyển sang giai đoạn vận hành].</p> <p><input type="checkbox"/> Đã kết thúc giai đoạn vận hành.</p>
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:

Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:

2. Dự án/gói thầu/hợp đồng số 02: ____ [*ghi tên dự án/gói thầu/hợp đồng*]

...

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) CQĐKĐT có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư cung cấp tài liệu được cấp có thẩm quyền xác nhận công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; xác nhận công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc xác nhận đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và một hoặc các tài liệu sau:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư tương ứng trong từng thời kỳ.

- Hợp đồng ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư (đối với dự án, gói thầu có hợp đồng đã ký kết).

- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình hoặc văn bản tương đương của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng với từng thời kỳ.

Đối với kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, nhà đầu tư cung cấp tài liệu được cấp có thẩm quyền xác nhận việc vận hành đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan hoặc văn bản chứng minh giao dịch dân sự đã thực hiện.

VĂN BẢN CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC

Kính gửi: _____ [ghi tên CQĐKĐT].

- Căn cứ vào Quyết định chủ trương đầu tư số:....
- Căn cứ vào Thông báo mời quan tâm và Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.
- Căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)¹ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

.....

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

.....

Ngày sinh: Quốc tịch:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp:..... ; Nơi cấp:

.....

Địa chỉ thường trú:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

¹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Điện thoại: Fax: Email:

II. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC

Sau khi được chấp thuận là nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án đầu tư theo Quyết định chủ trương đầu tư số, Nhà đầu tư cam kết:

1. Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đã cấp.
2. Thực hiện đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Dự án mà nhà đầu tư thực hiện theo tiến độ và phân kỳ của dự án đầu tư hoặc theo kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).
3. Đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định pháp luật Việt Nam.
4. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư sẽ đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, và các nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 khoản 7 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15. Trong trường hợp vi phạm, Chúng tôi đồng ý không được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 8 Điều 12 Nghị quyết số 136/2024/QH15 và chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

....., ngày ... tháng năm ...

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục III

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày /02/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án áp dụng cho nhà đầu tư, gồm:

+ Văn bản đăng ký thực hiện dự án (thực hiện theo Mẫu số 01a Chương III - Các Biểu mẫu tự kê khai của nhà đầu tư).

+ Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các biểu mẫu từ Mẫu số 02 đến Mẫu số 06 và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III - Các Biểu mẫu tự kê khai của nhà đầu tư.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án áp dụng cho nhà đầu tư chiến lược, gồm:

+ Văn bản đăng ký thực hiện dự án (thực hiện theo Mẫu số 01b Chương III - Các Biểu mẫu tự kê khai của nhà đầu tư).

+ Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các biểu mẫu Mẫu số 02 đến Mẫu số 07 và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III - Các Biểu mẫu tự kê khai của nhà đầu tư;

+ Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại Mục 3 Chương II- Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).